TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3271/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2571/2026/TLST-KV5-VHNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:
Ông Trần Minh Hiệp, sinh ngày 26/02/1993
CCCD số: 079093005181
Bà Ngô Thị M, sinh ngày 01/3/1997
CCCD số: 077197000063
Cùng địa chỉ: 140/66/54 Bình Quới, phường Bình Quới, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 2015, ông Trần Minh Hiệp và bà Ngô Thị M tự nguyện ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 27, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2015 ngày 20/10/2015. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được 10 năm. Từ đầu năm 2026, cả hai phát sinh mâu thuẫn do tính tình thay đổi, quan điểm sống khác nhau. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không kết quả. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Minh Hiệp và bà Ngô Thị M có 02 con chung tên Trần Ngọc Sang, sinh ngày 22/4/2016; Trần Ngọc Thảo My, sinh ngày 12/7/2018. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Ngọc Sang, sinh ngày

22/4/2016 cho ông Trần Minh Hiệp trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ngô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Ngọc Thảo My, sinh ngày 12/7/2018. Hai bên không yêu cầu chi phí cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Minh Hiệp và bà Ngô Thị M phải chịu.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Minh Hiệp và bà Ngô Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Ngọc Sang, sinh ngày 22/4/2016 cho ông Trần Minh Hiệp trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ngô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Ngọc Thảo My, sinh ngày 12/7/2018. Hai bên không yêu cầu chi phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh Hiệp, bà Ngô Thị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng người yêu cầu ông Trần Minh Hiệp và bà Ngô Thị M phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035483 ngày 04/6/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36, 71 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 5;
- VKSND Tp.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ái Long